



Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022



Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận
Đăng ký Kinh doanh số 4103004305 ngày 6 tháng 2 năm 2006

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0300545501 ngày 30 tháng 11 năm 2021. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh và các điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông La Văn Út	Chủ tịch
Ông Trương Văn Minh	Ủy viên
Ông Bùi Hồng Dũng	Ủy viên
Ông Nguyễn Quang Cường	Ủy viên
Bà Phạm Lý Trang Khanh	Ủy viên
Ông Lê Minh Ngọc	Ủy viên
Ông Nguyễn Chí Nam	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Quang Cường	Tổng Giám đốc
Bà Phạm Lý Trang Khanh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quang Chiến	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Hồng Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Quang Minh	Phó Tổng Giám đốc
Bà Văn Thị Hồng Phượng	Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Tiến Dũng	Trưởng Ban Kiểm soát
Bà Phạm Thúy Hà	Thành viên Ban Kiểm soát
Ông Phạm Văn Trung	Thành viên Ban Kiểm soát

Trụ sở đăng ký

236/106/1A Điện Biên Phủ
Phường 17, Quận Bình Thạnh
Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 34 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.



Thay mặt Ban Giám đốc

Nguyễn Quang Cường
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 8 năm 2022



Công ty TNHH KPMG
Tầng 46, Tòa tháp Keangnam Landmark 72
Lô E6, Đường Phạm Hùng, Phường Mễ Trì
Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 26 tháng 8 năm 2022, được trình bày từ trang 5 đến trang 34.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 22-01-00370-22-1



Trương Vinh Phúc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1901-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Đoàn Thanh Toàn
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 3073-2019-007-1

Hà Nội, ngày 26 tháng 8 năm 2022

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2022

Mẫu B 01a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2022 VND	1/1/2022 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 + 140 + 150)	100		586.587.849.890	675.644.521.985
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	8	441.425.257.676	556.285.208.580
Tiền	111		56.425.257.676	26.285.208.580
Các khoản tương đương tiền	112		385.000.000.000	530.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		85.445.809.750	71.021.742.939
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	9	43.114.721.252	33.069.995.688
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	10	4.392.348.721	8.538.098.625
Phải thu ngắn hạn khác	136	11(a)	37.938.739.777	29.413.648.626
Hàng tồn kho	140	12	59.716.782.464	45.870.674.937
Hàng tồn kho	141		59.716.782.464	45.870.674.937
Tài sản ngắn hạn khác	150		-	2.466.895.529
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	272.727.273
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	2.194.168.256
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 250 + 260)	200		934.136.142.366	803.818.312.962
Các khoản phải thu dài hạn	210		259.735.607.668	40.014.000.000
Phải thu dài hạn khác	216	11(b)	259.735.607.668	40.014.000.000
Tài sản cố định	220		472.063.537.146	561.792.275.410
Tài sản cố định hữu hình	221	13	449.023.095.143	538.445.331.161
Nguyên giá	222		3.322.148.090.226	3.322.148.090.226
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.873.124.995.083)	(2.783.702.759.065)
Tài sản cố định vô hình	227	14	23.040.442.003	23.346.944.249
Nguyên giá	228		28.250.980.211	28.250.980.211
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(5.210.538.208)	(4.904.035.962)
Đầu tư tài chính dài hạn	250	15	193.046.246.940	192.640.046.940
Đầu tư vào công ty con	251		175.000.000.000	175.000.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		64.500.000.000	64.500.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(46.453.753.060)	(46.859.953.060)
Tài sản dài hạn khác	260		9.290.750.612	9.371.990.612
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	34(c)	9.290.750.612	9.371.990.612
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.520.723.992.256	1.479.462.834.947

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2022 VND	1/1/2022 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		444.508.195.380	347.658.927.372
Nợ ngắn hạn	310		232.800.605.880	231.215.554.872
Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	24.977.578.165	22.916.483.920
Thuế phải nộp Nhà nước	313	17	2.299.609.074	24.308.883.189
Phải trả người lao động	314		15.709.806.781	28.561.915.424
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	8.156.270.623	8.966.545.183
Phải trả ngắn hạn khác	319	19	40.963.881.671	8.328.305.940
Vay ngắn hạn	320	20	42.408.766.000	31.051.566.000
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	21	75.951.199.875	96.419.484.573
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	22	22.333.493.691	10.662.370.643
Nợ dài hạn	330		211.707.589.500	116.443.372.500
Vay dài hạn	338	20	211.707.589.500	116.443.372.500
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		1.076.215.796.876	1.131.803.907.575
Vốn chủ sở hữu	410	23	1.076.215.796.876	1.131.803.907.575
Vốn cổ phần	411	24	798.666.660.000	798.666.660.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		798.666.660.000	798.666.660.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		123.257.066	(160.015.910)
Cổ phiếu quỹ	415		-	(11.635.553.757)
Quỹ đầu tư phát triển	418		213.491.855.223	213.491.855.223
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		63.934.024.587	131.440.962.019
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		49.705.331.171	(3.197.287.842)
- LNST chưa phân phối kỳ này/năm nay	421b		14.228.693.416	134.638.249.861
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.520.723.992.256	1.479.462.834.947

Ngày 26 tháng 8 năm 2022

Người lập:



Trần Thị Thành
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Nguyễn Trọng Nghĩa
Kế toán trưởng




Nguyễn Quang Cường
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022

Mẫu B 02a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2022 VND	30/6/2021 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	01	27	261.133.130.609	325.911.451.053
Giá vốn cung cấp dịch vụ	11	28	246.139.371.376	272.937.545.797
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		14.993.759.233	52.973.905.256
Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	24.385.833.786	26.527.602.506
Chi phí tài chính	22	30	5.481.417.195	6.812.028.968
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>5.504.294.170</i>	<i>6.774.558.436</i>
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	31	21.344.313.527	27.172.647.866
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 26)	30		12.553.862.297	45.516.830.928
Thu nhập khác	31	32	2.066.679.412	24.011.216
Chi phí khác	32		260.725.482	97.719.644
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		1.805.953.930	(73.708.428)
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		14.359.816.227	45.443.122.500
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	34	49.882.811	5.190.653.739
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	34	81.240.000	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		14.228.693.416	40.252.468.761

Ngày 26 tháng 8 năm 2022

Người lập:



Trần Thị Thành
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Nguyễn Trọng Nghĩa
Kế toán trưởng



Nguyễn Quang Cường
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2022 VND	30/6/2021 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01		14.359.816.227	45.443.122.500
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao	02		89.728.738.264	90.037.076.140
Các khoản dự phòng	03		21.398.342.835	35.000.000.004
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(23.082.071)	23.640.412
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(24.224.832.094)	(26.428.017.017)
Chi phí lãi vay	06		5.504.294.170	6.774.558.436
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		106.743.277.331	150.850.380.475
Biến động các khoản phải thu	09		(216.978.795.649)	7.997.041.747
Biến động hàng tồn kho	10		(13.846.107.527)	(7.118.916.556)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(54.549.893.788)	670.802.689
Biến động chi phí trả trước	12		272.727.273	-
			(178.358.792.360)	152.399.308.355
Tiền lãi vay đã trả	14		(5.628.628.043)	(6.935.090.779)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(23.506.420.842)	(10.534.665.928)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(4.722.575.000)	(5.169.900.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(212.216.416.245)	129.759.651.648

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

Mẫu B 03a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2022 VND	30/6/2021 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		-	(922.998.907)
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		9.252.121.520	17.618.336.902
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		9.252.121.520	16.695.337.995
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ tái phát hành cổ phiếu quỹ	32		11.918.826.733	-
Tiền thu từ đi vay	33		122.147.200.000	-
Tiền trả nợ gốc vay	34		(15.525.783.000)	(15.525.783.000)
Tiền trả cổ tức	36		(30.456.797.200)	(29.610.257.200)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		88.083.446.533	(45.136.040.200)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		(114.880.848.192)	101.318.949.443
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60		556.285.208.580	340.712.868.131
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		20.897.288	(1.875.659)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	8	441.425.257.676	442.029.941.915

Ngày 26 tháng 8 năm 2022

Người lập:

Trần Thị Thành
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:

Nguyễn Trọng Nghĩa
Kế toán trưởngNguyễn Quang Cường
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco (“Công ty”) được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước – Công ty Vận tải Xăng dầu Vitaco theo Quyết định số 2585/QĐ-BTM ngày 27 tháng 10 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Thương mại (nay là Bộ Công thương).

(b) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh vận tải xăng dầu đường biển và dịch vụ hàng hải.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, Công ty có 345 nhân viên (1/1/2022: 345 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty cũng lập và phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và đơn vị tiền tệ trình bày báo cáo

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng năm gần nhất.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư vào công ty con

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo dưỡng thường xuyên được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và vật kiến trúc	37 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 – 15 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 4 năm

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(g) Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất có thời hạn được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn sử dụng đất trong vòng 43 năm. Quyền sử dụng đất vô thời hạn không được khấu hao.

(h) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Công ty không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(i) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(j) Dự phòng

Trừ những khoản dự phòng được đề cập ở các chính sách kế toán khác, một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng chi phí sửa chữa lớn

Theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC, Công ty thực hiện trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định là các tàu vận tải đường biển dựa trên chu kỳ sửa chữa lên đà là 2 năm/lần. Số dư dự phòng chi phí sửa chữa lớn được xác định theo dự toán chi phí sửa chữa lớn theo kế hoạch đã được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt đối với các tàu phải thực hiện sửa chữa lớn trong vòng 12 tháng tiếp theo.

(k) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Các chi phí đó được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(ii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)

Cổ phiếu quỹ chỉ được ghi nhận đối với việc mua lại các cổ phiếu lẻ phát sinh khi phát hành cổ phiếu để trả cổ tức hoặc phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu theo phương án đã được thông qua, hoặc mua lại cổ phiếu lẻ theo yêu cầu của cổ đông. Cổ phiếu lẻ là cổ phiếu đại diện cho phần vốn cổ phần hình thành do gộp các phần lẻ cổ phần chia theo tỉ lệ cho nhà đầu tư. Trong tất cả các trường hợp khác, khi mua lại cổ phiếu mà trước đó đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, mệnh giá của các cổ phiếu mua lại phải được ghi giảm trừ vào vốn cổ phần. Chênh lệch giữa mệnh giá của cổ phiếu mua lại và giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

(I) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ trước hợp nhất của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(m) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(ii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(iii) Thu nhập từ cổ tức

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính.

(n) Các khoản thanh toán tiền thuê

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(o) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(p) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới công ty mẹ - Tổng Công ty Vận tải thủy Petrolimex, công ty mẹ cấp cao nhất - Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam và các công ty con và công ty liên kết của các công ty này.

(q) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của kỳ trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính kỳ hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của kỳ hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính giữa niên độ này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty trong kỳ trước.

4. Tính thời vụ của các hoạt động kinh doanh

Công ty không có hoạt động kinh doanh nào có tính thời vụ có thể ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022.

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

5. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Ban Giám đốc Công ty thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Không có thay đổi trọng yếu trong các ước tính kế toán so với các ước tính đã được thực hiện trong báo cáo tài chính riêng năm gần nhất.

6. Các khoản mục bất thường

Không có khoản mục bất thường nào phát sinh trong kỳ báo cáo giữa niên độ này.

7. Các thay đổi trong cơ cấu đơn vị

Không có thay đổi nào trong cơ cấu Công ty phát sinh trong kỳ báo cáo giữa niên độ này.

8. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2022	1/1/2022
	VND	VND
Tiền mặt	358.941.443	18.080.944
Tiền gửi ngân hàng	56.066.316.233	26.267.127.636
Các khoản tương đương tiền (*)	385.000.000.000	530.000.000.000
	<hr/>	<hr/>
	441.425.257.676	556.285.208.580

(*) Các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 3 tháng và hưởng lãi suất trong khoảng từ 3,2% đến 3,5%/năm (1/1/2022: từ 2,9% đến 3,5%/năm).

Các khoản tương đương tiền tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 bao gồm khoản tiền gửi có số dư là 40.000 triệu VND (1/1/2022: 0 VND) đã được dùng để thế chấp để bảo đảm cho các khoản vay từ ngân hàng (Thuyết minh 20).

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

9. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn và bên liên quan

	30/6/2022	1/1/2022
	VND	VND
<i>Bên liên quan</i>		
Tổng Công ty Vận tải thủy Petrolimex – công ty mẹ	31.904.495.962	13.972.633.195
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam – công ty mẹ cấp cao nhất	11.210.225.290	19.097.362.493
	<hr/>	<hr/>
	43.114.721.252	33.069.995.688
	<hr/>	<hr/>

Khoản phải thu từ các bên liên quan không có bảo đảm, không hưởng lãi và được hoàn trả khi có yêu cầu.

10. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/6/2022	1/1/2022
	VND	VND
Trả trước mua nhiên liệu	770.503.135	-
Trả trước hợp đồng hệ thống xử lý nước dẫn tàu	-	2.470.858.512
Trả trước khác	3.621.845.586	6.067.240.113
	<hr/>	<hr/>
	4.392.348.721	8.538.098.625
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

11. Phải thu khác

(a) Các khoản phải thu ngắn hạn khác bao gồm:

	30/6/2022	1/1/2022
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Vitaco Sài Gòn – công ty con	19.103.316.129	12.454.850.000
▪ <i>Phải thu về lợi nhuận được chia</i>	<i>13.404.689.349</i>	-
▪ <i>Phải thu về chi hộ mua tàu Nhà Bè 10</i>	-	<i>12.000.000.000</i>
▪ <i>Phải thu về chi hộ mua tàu Nhà Bè 11</i>	<i>5.047.895.656</i>	-
▪ <i>Phải thu khác</i>	<i>650.731.124</i>	<i>454.850.000</i>
Công ty TNHH MTV Vitaco Đà Nẵng – công ty con	2.457.402.121	2.494.353.499
▪ <i>Phải thu về lợi nhuận được chia</i>	<i>2.457.402.121</i>	<i>2.494.353.499</i>
Chi hộ Tổng Công ty Vận tải thủy Petrolimex – công ty mẹ	588.036.805	-
Chi hộ Công ty Bảo hiểm PJICO Sài Gòn – bên liên quan	-	217.902.292
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	1.604.972.603	-
▪ <i>Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex – bên liên quan</i>	<i>739.671.233</i>	-
▪ <i>Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam</i>	<i>479.342.466</i>	-
▪ <i>Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam</i>	<i>385.958.904</i>	-
Tạm ứng cho người lao động	1.495.894.922	1.265.047.608
Phải thu Nhà nước (Thuyết minh 21)	12.500.000.000	12.500.000.000
Các khoản phải thu khác	189.117.197	481.495.227
	<hr/>	<hr/>
	37.938.739.777	29.413.648.626

Khoản phải thu từ các bên liên quan không có bảo đảm, không hưởng lãi và thu được khi có yêu cầu.

(b) Các khoản phải thu dài hạn khác bao gồm:

	30/6/2022	1/1/2022
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Vitaco Sài Gòn – công ty con	259.721.607.668	40.000.000.000
▪ <i>Phải thu về chi hộ mua tàu Nhà Bè 10</i>	-	<i>40.000.000.000</i>
▪ <i>Phải thu về chi hộ mua tàu Nhà Bè 11</i>	<i>259.721.607.668</i>	-
Các khoản phải thu khác	14.000.000	14.000.000
	<hr/>	<hr/>
	259.735.607.668	40.014.000.000

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

12. Hàng tồn kho

	Giá gốc	
	30/6/2022	1/1/2022
	VND	VND
Nguyên vật liệu	55.416.319.989	45.504.755.129
Công cụ và dụng cụ	572.609.056	365.919.808
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	3.727.853.419	-
	<hr/>	<hr/>
	59.716.782.464	45.870.674.937
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

13. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	101.836.756.726	174.339.147	3.219.794.484.978	342.509.375	3.322.148.090.226
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	5.467.745.328	174.339.147	2.777.718.165.215	342.509.375	2.783.702.759.065
Khấu hao trong kỳ	1.366.936.332	-	88.055.299.686	-	89.422.236.018
Số dư cuối kỳ	6.834.681.660	174.339.147	2.865.773.464.901	342.509.375	2.873.124.995.083
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	96.369.011.398	-	442.076.319.763	-	538.445.331.161
Số dư cuối kỳ	95.002.075.066	-	354.021.020.077	-	449.023.095.143

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại là 184.177 triệu VND (1/1/2022: 206.422 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 20).

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 có các tài sản với nguyên giá 810.841 triệu VND (1/1/2022: 807.141 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

14. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	28.250.980.211
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	4.904.035.962
Khấu hao trong kỳ	306.502.246
Số dư cuối kỳ	5.210.538.208
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ	23.346.944.249
Số dư cuối kỳ	23.040.442.003

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

15. Đầu tư tài chính dài hạn

	30/6/2022				1/1/2022							
	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư vào công ty con												
▪ Công ty TNHH MTV Vitaco Sài Gòn	100%	100%	100%	160.000.000.000	-	(*)	100%	100%	100%	160.000.000.000	-	(*)
▪ Công ty TNHH MTV Vitaco Đà Nẵng	100%	100%	100%	15.000.000.000	-	(*)	100%	100%	100%	15.000.000.000	-	(*)
				<u>175.000.000.000</u>	<u>-</u>	<u>-</u>				<u>175.000.000.000</u>	<u>-</u>	<u>-</u>
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác												
▪ Công ty Cổ phần An Phú	625.000	0.51%	0.51%	53.500.000.000	(46.453.753.060)	(*)	625.000	0.51%	0.51%	53.500.000.000	(46.859.953.060)	(*)
▪ Công ty Cổ phần Kho cảng Xăng dầu Hàng không Miền Nam	600.000	2.02%	2.02%	6.000.000.000	-	(*)	600.000	2.02%	2.02%	6.000.000.000	-	(*)
▪ Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Mỹ Giang	500.000	17.86%	17.86%	5.000.000.000	-	(*)	500.000	17.86%	17.86%	5.000.000.000	-	(*)
				<u>64.500.000.000</u>	<u>(46.453.753.060)</u>					<u>64.500.000.000</u>	<u>(46.859.953.060)</u>	

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

16. Phải trả người bán ngắn hạn

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	30/6/2022 VND	1/1/2022 VND
Bên liên quan		
Công ty TNHH MTV Petrolimex Singapore	-	6.977.648.247
Công ty TNHH MTV Vitaco Sài Gòn – công ty con	19.578.409.046	3.244.206.224
Công ty TNHH MTV VIPCO Hạ Long	812.984.499	982.656.059
Tổng Công ty Vận tải thủy Petrolimex – công ty mẹ	231.053.539	-
Công ty Bảo hiểm PJICO Sài Gòn	191.258.822	-
Tổng Công ty Hóa dầu Petrolimex – CTCP	181.882.470	888.514.935
Công ty Xăng dầu Khu Vực 2 – TNHH MTV	45.767.850	31.900.100
	21.041.356.226	12.124.925.565
Các bên thứ ba		
Công ty TNHH DNV Việt Nam	1.210.223.475	-
Công ty TNHH An Dương	1.193.840.043	2.500.902.888
Công ty TNHH MTV Thái Sơn	-	4.655.617.360
Công ty TNHH DV HH An Thái Dương	-	1.685.666.950
Các nhà cung cấp khác	1.532.158.421	1.949.371.157
	3.936.221.939	10.791.558.355
	24.977.578.165	22.916.483.920

Khoản phải trả người bán là các bên liên quan không được bảo đảm, không chịu lãi và phải hoàn trả khi được yêu cầu.

17. Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2022 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã nộp trong kỳ VND	30/6/2022 VND
Thuế giá trị gia tăng (*)	7.052.744	19.024.633.917	(18.433.999.128)	597.687.533
Thuế nhập khẩu	-	18.625.801.892	(18.625.801.892)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	23.506.420.842	49.882.811	(23.506.420.842)	49.882.811
Thuế thu nhập cá nhân	707.444.179	1.418.791.255	(1.877.789.834)	248.445.600
Các loại thuế khác	87.965.424	2.214.774.332	(899.146.626)	1.403.593.130
	24.308.883.189	41.333.884.207	(63.343.158.322)	2.299.609.074

(*) Số thuế giá trị gia tăng phát sinh trong kỳ trình bày như trên thể hiện số liệu sau khi đã đối trừ với thuế giá trị gia tăng đầu vào được khấu trừ trong kỳ.

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

18. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/6/2022	1/1/2022
	VND	VND
Chi phí bảo dưỡng và sửa chữa thường xuyên	2.970.522.977	2.329.070.404
Chi phí lãi vay	1.056.837.922	1.181.171.795
Bảo hiểm	879.045.657	2.649.039.848
Cảng phí	258.278.608	1.062.834.652
Các khoản khác	2.991.585.459	1.744.428.484
	8.156.270.623	8.966.545.183

19. Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2022	1/1/2022
	VND	VND
Cổ tức phải trả	34.730.720.060	1.294.184.460
Kinh phí công đoàn	2.039.954.001	1.907.896.771
Phải trả về hoạt động tàu Vân Phong	-	1.324.579.718
Các khoản phải trả khác	4.193.207.610	3.801.644.991
	40.963.881.671	8.328.305.940

20. Vay

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại	Lãi suất	Năm	30/6/2022	1/1/2022
	tiền	năm	đáo hạn	VND	VND
Ngân hàng TMCP					
Công thương Việt Nam					
– Chi nhánh Đô Thành	VND	7,9%	2026	131.969.155.500	147.494.938.500
Ngân hàng TMCP Ngoại					
thương VN – Chi nhánh HCM	VND	7,3%	2032	122.147.200.000	-
Khoản đến hạn trả trong vòng					
12 tháng				(42.408.766.000)	(31.051.566.000)
				211.707.589.500	116.443.372.500

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, các khoản vay này được đảm bảo bằng:

- (i) Tài sản cố định hữu hình của Công ty có giá trị còn lại là 184.177 triệu VND (1/1/2022: 206.422 triệu VND) (Thuyết minh 13);
- (ii) Tài khoản tiền gửi ngân hàng của Công ty tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN – Chi nhánh HCM với số dư là 40.000 triệu VND (1/1/2022: 0 VND) (Thuyết minh 8).

21. Dự phòng phải trả ngắn hạn

	30/6/2022	1/1/2022
	VND	VND
Dự phòng phải trả Nhà nước (i)	50.000.000.000	50.000.000.000
Dự phòng sửa chữa lớn (ii)	25.951.199.875	46.419.484.573
	<hr/> 75.951.199.875	<hr/> 96.419.484.573

- (i) Ngày 20 tháng 9 năm 2020, Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Bản án sơ thẩm số 400/2020/HS-ST (“Bản án”) đối với vụ việc liên quan đến việc thực hiện dự án đầu tư khu nhà, đất số 8 – 12 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, mà trong đó Công ty là bên liên đới trong vụ xét xử. Trước đây, trong năm 2010, Công ty (xuất phát từ tư cách là một trong các bên thuê đất tại số 8 – 12 Lê Duẩn và được Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (“UBND”) chỉ định tham gia dự án đầu tư khu nhà đất số 8 – 12 Lê Duẩn với tư cách là cổ đông góp vốn trong Công ty cổ phần đầu tư Lavenue) đã thực góp số tiền 12,5 tỷ VND. Sau đó, cũng trong năm 2010, Công ty đã chuyển nhượng cổ phần tại Công ty cổ phần đầu tư Lavenue cho một đối tác và ghi nhận doanh thu tài chính với số tiền 50 tỷ VND và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp 12,5 tỷ VND tương ứng vào Ngân sách Nhà nước. Theo kết luận của Bản án, trường hợp Công ty không đủ năng lực tài chính tham gia dự án đầu tư thì “*phải báo cáo UBND để có biện pháp tìm kiếm nhà đầu tư mới, việc thay đổi nhà đầu tư phải được sự đồng ý của UBND*”. Do đó, cũng theo Bản án khoản doanh thu tài chính “*50 tỷ VND từ việc chuyển nhượng này là khoản thu lợi bất chính nên cần được thu hồi theo quy định của pháp luật và Công ty được quyền liên hệ với Chi cục thuế Quận 1 để hạch toán lại số tiền thuế đã nộp*”. Trong năm 2020, với kết luận của Bản án sơ thẩm, Ban lãnh đạo Công ty nhận định rằng Công ty đã có nghĩa vụ nợ hiện tại phát sinh từ các sự kiện trong quá khứ, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể xảy ra và giá trị của nghĩa vụ nợ có thể được ước tính một cách tin cậy. Do đó Công ty đã thực hiện điều chỉnh theo kết luận của Bản án sơ thẩm để ghi nhận khoản dự phòng phải trả Nhà nước với số tiền 50 tỷ VND, khoản thuế phải thu Nhà nước với số tiền 12,5 tỷ VND (Thuyết minh 11) và đồng thời ghi giảm Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối với số tiền 37,5 tỷ VND. Ngày 2 tháng 12 năm 2021, Tòa án nhân dân cấp cao Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Bản án Phúc thẩm số 452/2021/HSPT theo đó Tòa án đưa ra kết luận y án sơ thẩm. Ngày 13 tháng 7 năm 2022, Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Quyết định thi hành án chủ động số 2483/QĐ-CTHADS theo đó buộc Công ty nộp lại số tiền 50 tỷ VND để tịch thu sung ngân sách Nhà nước. Ngày 22 tháng 7 năm 2022, Công ty đã nộp vào ngân sách Nhà nước toàn bộ số tiền trên.

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Biến động của dự phòng sửa chữa lớn trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022	30/6/2021
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	46.419.484.573	29.174.443.081
Dự phòng lập trong kỳ	21.804.542.835	35.000.000.004
Dự phòng sử dụng trong kỳ	(42.272.827.533)	-
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	25.951.199.875	64.174.443.085
	<hr/>	<hr/>

22. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022	30/6/2021
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	10.662.370.643	7.740.294.062
Trích lập trong kỳ	17.842.298.048	19.282.146.581
Sử dụng quỹ	(6.171.175.000)	(6.862.500.000)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	22.333.493.691	20.159.940.643
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

23. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	798.666.660.000	(160.015.910)	(11.635.553.757)	250.991.855.223	41.678.191.539	1.079.541.137.095
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	40.252.468.761	40.252.468.761
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(19.282.146.581)	(19.282.146.581)
Cổ tức (Thuyết minh 25)	-	-	-	-	(63.093.332.800)	(63.093.332.800)
Điều chuyển quỹ	-	-	-	(37.500.000.000)	37.500.000.000	-
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2021	798.666.660.000	(160.015.910)	(11.635.553.757)	213.491.855.223	37.055.180.919	1.037.418.126.475
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	798.666.660.000	(160.015.910)	(11.635.553.757)	213.491.855.223	131.440.962.019	1.131.803.907.575
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	14.228.693.416	14.228.693.416
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(17.842.298.048)	(17.842.298.048)
Cổ tức (Thuyết minh 25)	-	-	-	-	(63.893.332.800)	(63.893.332.800)
Phát hành lại cổ phiếu quỹ	-	283.272.976	11.635.553.757	-	-	11.918.826.733
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2022	798.666.660.000	123.257.066	-	213.491.855.223	63.934.024.587	1.076.215.796.876

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

24. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành được trình bày theo mệnh giá của Công ty là:

	30/6/2022		1/1/2022	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	79.866.666	798.666.660.000	79.866.666	798.666.660.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	79.866.666	798.666.660.000	79.866.666	798.666.660.000
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	-	-	1.000.000	10.000.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	79.866.666	798.666.660.000	78.866.666	788.666.660.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi các cổ phiếu này được phát hành lại.

25. Cổ tức

Đại hội đồng Cổ đông của Công ty vào ngày 20 tháng 4 năm 2022 đã quyết định chia cổ tức với số tiền là 63.893 triệu VND, tương đương 800 VND mỗi cổ phiếu (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021: chia cổ tức với số tiền là 63.093 triệu VND, tương đương 800 VND mỗi cổ phiếu).

26. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Ngoại tệ

	30/6/2022		1/1/2022	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	6.257	144.747.828	178.211	4.034.695.909

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

27. Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ thể hiện giá trị dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022	30/6/2021
	VND	VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ vận tải biển	259.577.130.611	324.355.451.055
Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	1.555.999.998	1.555.999.998
	<u>261.133.130.609</u>	<u>325.911.451.053</u>

28. Giá vốn cung cấp dịch vụ

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022	30/6/2021
	VND	VND
Giá vốn cung cấp dịch vụ vận tải biển	245.594.771.376	272.392.945.797
Giá vốn cung cấp dịch vụ khác	544.600.000	544.600.000
	<u>246.139.371.376</u>	<u>272.937.545.797</u>

29. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022	30/6/2021
	VND	VND
Cổ tức được chia	16.362.091.470	22.539.322.996
Lãi tiền gửi	7.862.740.624	3.888.694.021
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	137.919.621	99.585.489
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	23.082.071	-
	<u>24.385.833.786</u>	<u>26.527.602.506</u>

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

30. Chi phí tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022	30/6/2021
	VND	VND
Chi phí lãi vay	5.504.294.170	6.774.558.436
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	383.323.025	13.830.120
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	-	23.640.412
Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty khác	(406.200.000)	-
	<u>5.481.417.195</u>	<u>6.812.028.968</u>

31. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022	30/6/2021
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	7.673.604.322	11.165.721.910
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.305.254.733	3.988.449.701
Chi phí khấu hao	2.214.630.238	2.522.968.114
Chi phí vật liệu quản lý	254.753.381	2.636.477.107
Chi phí đồ dùng văn phòng	65.638.654	678.201.455
Chi phí khác	6.830.432.199	6.180.829.579
	<u>21.344.313.527</u>	<u>27.172.647.866</u>

32. Thu nhập khác

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022	30/6/2021
	VND	VND
Tiền bảo hiểm được bồi thường	1.928.072.832	24.011.216
Các khoản khác	138.606.580	-
	<u>2.066.679.412</u>	<u>24.011.216</u>

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

33. Chi phí kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022	30/6/2021
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu	68.837.094.504	60.222.222.875
Chi phí nhân viên	43.072.512.490	71.843.748.147
Chi phí khấu hao	89.728.738.264	90.037.076.140
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.686.113.732	19.771.130.839
Chi phí khác	53.887.079.332	58.236.015.662

34. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022	30/6/2021
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập hiện hành		
Kỳ hiện hành	49.882.811	5.190.653.739
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	81.240.000	-
Chi phí thuế thu nhập	131.122.811	5.190.653.739

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022 VND	30/6/2021 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	14.359.816.227	45.443.122.500
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	2.871.963.245	9.088.624.500
Thu nhập không bị tính thuế	(3.272.418.294)	(4.507.864.599)
Chi phí không được khấu trừ thuế	456.083.871	609.893.838
Chênh lệch tạm thời không được ghi nhận	75.493.989	-
	131.122.811	5.190.653.739

(c) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 và ngày 1 tháng 1 năm 2022, tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản dự phòng đầu tư tài chính dài hạn vào Công ty Cổ phần An Phú.

(d) Thuế suất áp dụng

Theo các quy định của Luật thuế thu nhập hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

35. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trong kỳ Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND	30/6/2021 VND
Công ty mẹ cấp cao nhất Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam Cung cấp dịch vụ	100.344.185.098	89.263.285.055
Công ty mẹ Tổng Công ty Vận tải thủy Petrolimex Cung cấp dịch vụ	160.788.945.511	232.234.282.498
Mua hàng hóa và dịch vụ	4.062.184.507	-
Chia cổ tức	33.172.173.600	33.172.173.600

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND	30/6/2021 VND
Các công ty liên quan khác		
Tổng Công ty Hóa dầu Petrolimex – CTCP –		
Chi nhánh Hóa dầu Sài Gòn		
Mua hàng hóa và dịch vụ	7.936.376.700	9.570.466.000
Công ty TNHH MTV Vitaco Sài Gòn		
Mua hàng hóa và dịch vụ	18.714.253.260	9.686.597.428
Cổ tức được chia	13.404.689.349	18.794.969.497
Công ty Bảo hiểm PJICO Sài Gòn		
Mua hàng hóa và dịch vụ	9.149.360.560	13.668.641.109
Công ty TNHH MTV Petrolimex Singapore		
Mua hàng hóa và dịch vụ	35.300.231.293	22.287.635.097
Công ty Xăng dầu Khu Vực 2		
Mua hàng hóa và dịch vụ	169.529.727	86.738.819
Tổng kho Xăng dầu Nhà Bè		
Mua hàng hóa và dịch vụ	156.015.000	150.345.000
Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex		
Mua hàng hóa và dịch vụ	-	182.010.000
Công ty TNHH MTV Vipco Hạ Long		
Mua hàng hóa và dịch vụ	1.991.863.250	2.378.520.007
Công ty TNHH MTV VITACO Đà Nẵng		
Cổ tức được chia	2.457.402.121	2.494.353.499
Mua hàng hóa và dịch vụ	68.602.222	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Mỹ Giang		
Cổ tức được chia	500.000.000	1.250.000.000

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

		Giá trị giao dịch	
		Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	30/6/2021
		30/6/2022	VND
		VND	VND
Thành viên Ban Giám đốc			
Tiền lương và thưởng			
Ông Nguyễn Quang Cường	Tổng Giám đốc	309.000.000	310.000.000
Bà Phạm Lý Trang Khanh	Phó Tổng Giám đốc	249.000.000	250.000.000
Ông Nguyễn Quang Chiến	Phó Tổng Giám đốc	249.000.000	250.000.000
Ông Bùi Hồng Dũng	Phó Tổng Giám đốc	-	-
Ông Đỗ Quang Minh	Phó Tổng Giám đốc	249.000.000	250.000.000
Bà Văn Thị Hồng Phượng	Phó Tổng Giám đốc	249.000.000	250.000.000
Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát			
Tiền lương, thưởng và thù lao			
Ông La Văn Út	Chủ tịch	369.000.000	370.000.000
Ông Trương Văn Minh	Ủy viên	48.000.000	48.000.000
Ông Nguyễn Quang Cường	Ủy viên	48.000.000	48.000.000
Bà Phạm Lý Trang Khanh	Ủy viên	48.000.000	48.000.000
Ông Bùi Hồng Dũng	Ủy viên	48.000.000	48.000.000
Ông Lê Minh Ngọc	Ủy viên	48.000.000	48.000.000
Ông Nguyễn Chí Nam	Ủy viên	48.000.000	48.000.000
Ông Nguyễn Tiến Dũng	Trưởng Ban Kiểm soát	249.000.000	227.800.000
Bà Phạm Thúy Hà	Thành viên Ban Kiểm soát	33.600.000	14.000.000
Ông Phạm Văn Trung	Thành viên Ban Kiểm soát	33.600.000	14.000.000
Bà Nguyễn Thị Thu	Thành viên Ban Kiểm soát	-	19.600.000
Ông Nguyễn Thanh Tuyên	Thành viên Ban Kiểm soát	-	19.600.000

36. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2021 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021. Thông tin so sánh của báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Công ty được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét của Công ty tại ngày và cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

Ngày 26 tháng 8 năm 2022

Người lập:



Trần Thị Thành
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Nguyễn Trọng Nghĩa
Kế toán trưởng



Nguyễn Quang Cường
Tổng Giám đốc